

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
TRUNG TÂM Y TẾ CẨM XUYỀN

Số: /TTYT-KD
V/v yêu cầu báo giá gói hoá chất bổ
sung năm 2026-2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Xuyên, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế Cẩm Xuyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá cho gói thầu mua sắm hóa chất bổ sung năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm y tế Cẩm Xuyên

Địa chỉ: Số 36 Đường Hà Huy Tập - Xã Cẩm Xuyên - Tỉnh Hà Tĩnh .

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Nguyễn Văn Long Chức vụ: Trưởng Khoa Dược

Số điện thoại: 0916870999 Địa chỉ email: trungtamytecamxuyenht@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm y tế Cẩm Xuyên, Số 36 Đường Hà Huy Tập - Xã Cẩm Xuyên - Tỉnh Hà Tĩnh.

Đồng thời, nhận qua email: trungtamytecamxuyenht@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 21 tháng 08 năm 2026 đến trước 16h ngày 07 tháng 09 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 07 tháng 09 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất kèm theo bảng mô tả tính năng, cấu hình kỹ thuật đính kèm

Lưu ý: Nhà thầu trúng thầu cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm đó theo yêu cầu của chủ đầu tư để sử dụng được đầy đủ tính năng của vật tư, hóa chất trúng thầu.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hóa chất

2.1. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm y tế Cẩm Xuyên - Địa chỉ: Số 36 Đường Hà Huy Tập - Xã Cẩm Xuyên - Tỉnh Hà Tĩnh.

2.2. Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản

- Hàng còn nguyên đai, nguyên kiện, không bị hư hao do quá trình vận chuyển.
- Có hướng dẫn bảo quản

3. Thời gian giao hàng dự kiến: từ 60-90 ngày kể từ ngày hợp đồng mua sắm có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu.

5. Các thông tin khác: Nhà thầu thực hiện bảo giá theo đúng Mẫu báo giá quy định.

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các hóa chất)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, KD

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phúc Long

**BẢNG MÔ TẢ CÁC TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA
CÁC HÓA CHẤT**

*(Kèm theo thư mời báo giá số /TTYT-KD Ngày tháng năm 2026
của Trung tâm y tế Cẩm Xuyên)*

STT	Danh mục hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hoá chất máy sinh hoá				
1	Hóa chất kiểm chuẩn ALCOHOL	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm sinh hóa ALCOHOL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	2x1 ml	Hộp	1
2	Hóa chất xét nghiệm ALCOHOL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm sinh hóa ALCOHOL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	4x20ml; 2x15ml	Hộp	1
3	Hóa chất chuẩn ALCOHOL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm sinh hóa ALCOHOL Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	2x 5ml	Hộp	1
4	Nước rửa máy sinh hóa	Dung dịch dùng để làm sạch hệ thống đo của máy (theo tài liệu hướng dẫn của máy). Thành phần: Sulfonic acids, C13-17-sec-alkane, sodium salts < 5% Genapol 1 - 5 % Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	2 lít/Can	Can	15
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK - MB	Thuốc thử xác định định lượng Creatine Kinase (CK-MB) trong huyết thanh trên máy phân tích Sinh hóa. R1: Imidazole Buffer pH 6.7 - 100 mmol/l; Glucose - 20 mmol/l; Magnesium Acetate - 10 mmol/l R2: Creatine Phosphate - 30 mmol/l; G6P-DH - > 1.5 U/ml; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	3x35ml + 2x10ml	Hộp	3

6	Hóa chất chuẩn CK-MB	Bộ hiệu chuẩn CK-MB được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng CKMB trên máy phân tích tự động. THÀNH PHẦN Huyết thanh tham chiếu CKMB với chất ổn định hóa học / chất bảo quản. Nồng độ cụ thể theo lô. CK-MB phải được hoàn nguyên trong nước tinh khiết có nhiệt độ dưới 15 ° C. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	10x2ml	Lọ	2
7	Hóa chất kiểm chuẩn CK-MB	Hóa chất kiểm chuẩn CK-MB được sử dụng để xác minh hiệu suất của thiết bị / thuốc thử. Màu sắc và mô tả: Bột đông khô màu trắng. Thành phần: Huyết thanh tham chiếu với chất ổn định/ chất bảo quản hóa học. Nồng độ cụ thể theo lô. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	10x2ml	Lọ	2
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK NAC	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatine Kinase (CK-NAC) trong huyết thanh trên máy phân tích tự động. - Tuyến tính: Xét nghiệm tuyến tính lên đến 2400 U/L (40 μKat/l). - Độ nhạy: Mức phát hiện thấp nhất được ước tính là 2 U/L. Thành Phần có chứa: - Thuốc thử 1: Imidazole Buffer pH 6.7 100 mmol/l Glucose 20 mmol/l - Thuốc thử 2: Creatine Phosphate 30 mmol/l G6P-DH > 1.5 U/ml Diadenosine pentaphosphate 10 μmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	4x60ml/ 4x15ml	Hộp	3
9	Thuốc thử định lượng men gan ALT trong máu	Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh, dải tuyến tính từ 3 - 448u/l. Thành phần: TRIS Buffer pH 7.3 125.0 mmol/l, α-Ketoglutarate 94 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x66ml/ 6x16.5ml	Hộp	15

10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm men gan AST	Định lượng men AST, dải tuyến tính 4 - 692 u/l. Thành phần: L-Aspartate 300 mmol/l, MDH $\geq$ 530 U/l, α -Ketoglutarate 75 mmol/l. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x66ml/ 6x16.5ml	Hộp	15
11	Thuốc thử định lượng Albumin trong máu	Định lượng Albumin máu, dải tuyến tính từ 2,5 - 72,6 g/l. Thành phần chính: Citrate Buffer pH 4.1 95 mmol/l, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x64ml/ 6x16ml	Hộp	2
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Amylase	Định lượng Amylase trong máu, dải tuyến tính 1 - 1988 u/l. Thành phần: Sodium Chloride 87 mmol/l, Magnesium Chloride 12.6 mmol/l, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x66ml/ 6x16ml	Hộp	1
13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin Total	Định lượng Bilirubin toàn phần bằng phương pháp DPD. Thành phần: - Hydrochloric Acid (HCl) 17 mmol/l - Accelerator 50 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	9x62ml/ 9x15.5ml	Hộp	1
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin Direct	Định lượng Bilirubin trực tiếp bằng phương pháp DPD. Thành phần: - Hydrochloric Acid (HCl) 17 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	5x17ml/ 5x5.5ml	Hộp	1
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium	Định lượng Calcium trong máu, dải tuyến tính 0,03 - 4 mmol/l. Thành phần: Imidazole Buffer pH 6.6 100 mmol/l, Arsenazo III 0.26 mmol/l. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	10x 63 ml	Hộp	1
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Định lượng cholesterol trong máu, dải tuyến tính 0,04 - 22 mmol/l. Thành phần: Mg ²⁺ 2 mmol/l, Phenol 2 mmol/l, Peroxidase $\geq$ 100 U/l, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	12x65ml	Hộp	6
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL Cholesterol	Định lượng HDL trong máu, dải đo đến 2,4 mmol/l. Thành phần: TODB 1 mmol/l, Ascorbate oxidase 3.0 U/ml,	6x60ml/ 6x20ml	Hộp	6

		Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;			
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL Cholesterol	Định lượng LDL trong máu, dải đo lên tới 10 mmol/l. Thành phần: GOOD'S Buffer, CHE, CO, 4-aminoantipyrine (4-AA), Peroxidase, MgCl ₂ . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x40ml/ 4x20ml	Hộp	5
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Định lượng Creatine bằng phương pháp Jaffe, dải tuyến tính từ 5,2 - 2734 μ mol/l. thành phần: Alkaline Buffer 200 mmol/l, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	9x66ml/ 9 x16.5ml	Hộp	8
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Định lượng Glucose trong máu, dải tuyến tính 0,01 - 28,2 mmol/l. Thành phần: PHOSPHATE Buffer pH 7.5 100 mmol/l, 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	12x66.5 ml	Hộp	12
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein	Định lượng Total protein máu, dải tuyến tính 0,4 - 146 g/l. Thành phần: potassium Sodium Tartrate 63.78 mmol/l, Potassium Iodide 60.24 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x65.5ml / 6x65.5ml	Hộp	1
22	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Định lượng Triglycerides trong máu, dải đo 0,02 - 11 mmol/l. thành phần: PIPES Buffer pH 7.0 43.6 mmol/l, 4 Chlorophenol 5.45 mmol/l, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	12x65ml	Hộp	6
23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea	Định lượng Urea trong máu, Dải tuyến tính 0,31 - 60 mmol/l. Thanh phần: TRIS Buffer pH 7.5 224.53 mmol/l, α KG 15.47 mmol/l, ADP 0.94 mmol/l. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x66ml/ 6x43ml	Hộp	4

24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Định lượng Aric Acid trong máu, dải tuyến tính 1 - 1442 $\mu\text{mol/l}$. Thành phần: Phosphate Buffer pH 7.5 150 mmol/l, Ascorbate Oxidase 5000 U/l, Potassium Ferocyanide 0.024 mmol/l, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x66ml/ 6x16ml	Hộp	4
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Gamma GT	Hoá chất định lượng Gama GT, độ tuyến tính 1200 U/l, mức phát hiện từ 0.47 U/L. Thành phần: TRIS Buffer pH 8.25 100 mmol/l, Glycylglycine 100 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	6x66ml/ 6x16ml	Hộp	3
26	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Haemoglobin A1c (HbA1c in %) trong máu toàn phần trên máy phân tích tự động . Tuyến tính: Dải định lượng: 4.0% - 12.0% Thành phần và Màu sắc cảm quan: Thuốc thử 1a: Dung dịch trong. Thuốc thử 1b: Dung dịch màu vàng nhạt Thuốc thử 2: Dung dịch màu vàng nhạt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	4x14ml/4 x6ml/4x9 ml/ 4x32ml	Hộp	2
27	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c được sử dụng để xác minh hiệu suất của dụng cụ / thuốc thử. Màu sắc và mô tả: Bột đông khô màu đỏ. Sản phẩm này được điều chế từ máu toàn phần và chứa chất bảo quản và chất ổn định.. Nồng độ cụ thể theo lô. Sản phẩm này không nguy hiểm theo thông số kỹ thuật của EU, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	2x0,5ml	Hộp	2
28	Hóa chất chuẩn HbA1c	Hoá chất hiệu chuẩn HbA1c; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	2x0,5ml	Hộp	2

29	Hóa chất chuẩn các xét nghiệm thường quy	Hóa chất chuẩn các xét nghiệm thường quy được sử dụng để hiệu chuẩn trong định lượng hóa sinh lâm sàng trên máy phân tích tự động và bán tự động. THÀNH PHẦN Huyết thanh với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô có nguồn gốc từ người và động vật. Nồng độ cụ thể. Các giá trị được xác minh dựa trên rất nhiều bộ hiệu chuẩn chính có thể truy nguyên theo các phương pháp tham chiếu hoặc nguyên vật liệu tham chiếu. Sản phẩm này không nguy hiểm theo thông số kỹ thuật của EU, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	10x5ml	Lọ	10
30	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1	Sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động. Thành phần: Huyết thanh với chất phụ gia và chiết xuất mô có nguồn gốc người và động vật. Nồng độ cụ thể theo lô. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	20x5ml	Lọ	10
31	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2	Sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động. Thành phần: Huyết thanh với chất phụ gia và chiết xuất mô có nguồn gốc người và động vật. Nồng độ cụ thể theo lô. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	20x5ml	Lọ	10
32	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP	Định lượng CRP trong máu, giải tuyến tính có thể đạt: 0,3 - 500 mg/l, Thành phần: TRIS Buffer pH 7.6 containing PEG 18.2mmol/l Sodium Chloride 123.2 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	R1: 4x40ml, R2: 2x17ml	Hộp	9
33	Hóa chất chuẩn CRP	Bộ hiệu chuẩn CRP được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng CRP trên máy phân tích tự động. Sản phẩm này không nguy hiểm theo thông số kỹ thuật của EU. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	10x1ml	Lọ	2

34	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 CRP	Hoá chất kiểm chuẩn CRP mức 1 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	20x1ml.	Lọ	5
35	Huyết thanh kiểm tra mức 2 CRP	Hoá chất kiểm chuẩn CRP mức 2 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương;	20x1ml.	Lọ	5
36	Bóng đèn máy sinh hóa	Dùng cho máy sinh hoá tự động; 12 V- 20W	01 cái/ Hộp	Cái	5
II Hoá chất huyết học					
37	Dung dịch pha loãng máy huyết học	Thuốc thử chẩn đoán in vitro dùng để pha loãng tự động máu người để đếm và định cỡ tế bào máu trên máy phân tích huyết học Sản phẩm là chất lỏng trong suốt không có hạt, chất kết tủa hoặc bông cặn. Kết quả nền: $WBC \leq 0.2 \times 10^9/L$, $RBC \leq 0.2 \times 10^{12}/L$, $HGB \leq 1 \text{ g/L}$, $PLT \leq 10 \times 10^9/L$. Thành phần: Natri clorua; Natri sunfat khan; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn.	20 Lít	Thùng	45
38	Dung dịch ly giải hồng cầu máy huyết học	Thuốc thử chẩn đoán in vitro được sử dụng để làm lạnh hồng cầu để đếm định lượng bạch cầu và đo huyết sắc tố trên máy phân tích huyết học tự động Sản phẩm là một chất lỏng trong suốt, không có hạt, kết tủa hoặc kết tủa. Kết quả nền: $WBC \leq 0.2 \times 10^9/L$, $RBC \leq 0.2 \times 10^{12}/L$, $HGB \leq 1 \text{ g/L}$, $PLT \leq 10 \times 10^9/L$. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn	500 ml	Chai	28
39	Dung dịch ly giải bạch cầu máy huyết học	Thuốc thử chẩn đoán in vitro dùng để định lượng bạch cầu biệt hóa 5 phần trên máy phân tích huyết học tự động Sản phẩm là một chất lỏng trong suốt, không có hạt, kết tủa hoặc kết tủa. Kết quả nền: $WBC \leq 0.2 \times 10^9/L$, $RBC \leq 0.2 \times 10^{12}/L$, $HGB \leq 1 \text{ g/L}$, $PLT \leq 10 \times 10^9/L$. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn.	500 ml	Chai	28

40	Dung dịch phân loại thành phần bạch cầu máy huyết học	Thuốc thử chẩn đoán in vitro dùng để định lượng bạch cầu biệt hóa 5 phần trên máy phân tích huyết học tự động Sản phẩm là một chất lỏng trong suốt, không có hạt, kết tủa hoặc kết tủa. Kết quả nền: WBC $\leq 0.2 \times 10^9/L$, RBC $\leq 0.2 \times 10^{12}/L$, HGB ≤ 1 g/L, PLT $\leq 10 \times 10^9/L$. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn.	1 Lít	Chai	35
41	Dung dịch rửa kim máy huyết học tự động	Dung dịch rửa kim máy huyết học tự động là một giải pháp chẩn đoán in vitro được sử dụng để làm sạch, súc rửa và rửa máy phân tích huyết học tự động Sản phẩm là một chất lỏng trong suốt, không có hạt, kết tủa hoặc kết tủa. Kết quả nền: WBC $\leq 0.2 \times 10^9/L$, RBC $\leq 0.2 \times 10^{12}/L$, HGB ≤ 1 g/L, PLT $\leq 10 \times 10^9/L$. Thành phần: Sodium hypochlorite; Natri Hidroxit; Chất hoạt động bề mặt.	50 ml	Lọ	15
42	Mẫu nội kiểm máy huyết học mức thấp	Là bộ điều khiển được thiết kế để theo dõi độ chính xác và có các thông số tham chiếu của máy phân tích huyết học tự động Thành phần: hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng lơ lửng trong chất lỏng giống huyết tương có chất bảo quản.	3 ml	Lọ	5
43	Mẫu nội kiểm máy huyết học mức bình thường	Là bộ điều khiển được thiết kế để theo dõi độ chính xác và có các thông số tham chiếu của máy phân tích huyết học tự động Thành phần: hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng lơ lửng trong chất lỏng giống huyết tương có chất bảo quản.	3 ml	Lọ	5
44	Mẫu nội kiểm máy huyết học mức cao	Là bộ điều khiển được thiết kế để theo dõi độ chính xác và có các thông số tham chiếu của máy phân tích huyết học tự động Thành phần: hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng lơ lửng trong chất lỏng giống huyết tương có chất bảo quản.	3 ml	Lọ	5
Tổng 44 Khoản					

Lưu ý: Nhà thầu trúng thầu cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm đó theo yêu cầu của chủ đầu tư để sử dụng được đầy đủ tính năng của vật tư, hóa chất trúng thầu.

BÁO GIÁ
Kính gửi: Trung Tâm Y tế Cẩm Xuyên.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung Tâm Y tế Cẩm Xuyên, chúng tôi...(ghi tên, địa chỉ của hàng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh báo giá cho các hàng hoá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá

STT	Danh mục hàng hoá	Tên hàng hoá	Mã hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Hãng /nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (có VAT)
1	Hàng hoá A									
2	Hàng hoá B									

(Gửi kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày báo giá

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá trị của các thiết bị y tế nếu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trên báo giá là trung thực.

.....ngày... tháng...năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))